

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẤP VÒ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 05-7-2019

V/v Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Nội.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Hùng;
2. Bà Chung Thị Thu Nguyệt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Khánh Tâm là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 146/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2019, về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thu T, sinh năm 1995; địa chỉ: ấp AQ, xã HAD, huyện LV, tỉnh ĐT; (Có mặt).

Bị đơn: Anh Nguyễn Minh G, sinh năm 1989; địa chỉ: ấp AQ, xã HAD, huyện LV, tỉnh ĐT; (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/4/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Nguyễn Thu T trình bày: Chị Nguyễn Thu T và anh Nguyễn Minh G tổ chức đám cưới vào năm 2012 nhưng đến ngày 29 tháng 3 năm 2013 mới đăng ký kết hôn và được UBND xã HAD, huyện LV cấp giấy chứng nhận kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn chị T sống bên gia đình cha mẹ ruột anh G. Chị T và anh G chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do mai mối không tìm hiểu nhau trước nên khi về

sống chung thì bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau do đó thường xuyên cự cãi, anh G có lần đánh chị T, chị T có trình báo đến Công an xã HAD, Công an xã có đến giải quyết nhưng không có lập biên bản, từ đó mâu thuẫn xảy ra vô cùng trầm trọng. Từ tháng 2/2018 chị T đã về bên nhà cha mẹ ruột sinh sống cho đến nay. Trong thời gian sống xa nhau, chị T đã hai lần nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh G tại Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò. Cả hai lần anh G đều yêu cầu cho anh G cơ hội và hứa sẽ thay đổi tính tình để vợ chồng đoàn tụ cùng nuôi con nên chị T đã rút lại đơn khởi kiện. Nhưng từ đó đến nay anh G cũng không thay đổi được tính tình và vợ chồng cũng không đoàn tụ lại được với nhau. Nay xét thấy tình cảm không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị T tha thiết yêu cầu được ly hôn với anh G để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị T và anh G có 02 con chung tên Dương Thị NY1, sinh ngày 21/11/2012 và Dương Thị NY2, sinh ngày 02/12/2018 đang sống với chị T. Sau khi ly hôn, chị T yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi con chung. Do chị T là thợ may làm việc trong cơ sở may của gia đình có thu nhập ổn định, đảm bảo để nuôi con tốt nên chị T không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại Đơn trình bày ý kiến ngày 02/5/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Minh G trình bày:* Anh G và chị T quen biết nhau do mai mối và tổ chức đám cưới vào năm 2012, đến ngày 29 tháng 3 năm 2013 thì đăng ký kết hôn và được UBND xã HAD, huyện LV cấp giấy chứng nhận kết hôn như chị T trình bày. Sau kết hôn thì anh G và chị T sống bên gia đình cha mẹ ruột anh G, vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng 01 năm thì mâu thuẫn xảy ra. Nguyên nhân mâu thuẫn là do cự cãi trong sinh hoạt gia đình, anh G thừa nhận có lần đánh chị T, Công an xã có vào giải quyết nhưng không lập biên bản vì đây là mâu thuẫn nhỏ trong gia đình. Từ khoảng tháng 2/2018 thì chị T về bên nhà cha mẹ ruột sinh sống cho đến nay. Trong thời gian chị T về bên nhà cha mẹ ruột sinh sống, anh G cũng đã nhiều lần sang nhà cha mẹ vợ yêu cầu chị T về để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị T không đồng ý. Khi chị T sinh con tên NY2 thì anh G và gia đình cũng có đến thăm hỏi, nuôi và trả một phần viện phí cho chị T. Từ khi anh G và chị T xa nhau, chị T đã hai lần làm đơn xin ly hôn anh G có hứa sẽ thay đổi tính tình để vợ chồng đoàn tụ để cùng nuôi con, chị T đã rút đơn khởi kiện nhưng sau đó chị T không đồng ý về để vợ chồng đoàn tụ nên đến nay vợ chồng cũng không đoàn tụ lại được với nhau. Nay anh G vẫn còn tình cảm với chị T, mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng lo cho con nên anh G không đồng ý ly hôn theo như yêu cầu của chị T.

Về con chung: Thống nhất anh G và chị T có 02 con chung tên Dương Thị NY1, sinh ngày 21/11/2012 và Dương Thị NY2, sinh ngày 02/12/2018. Từ khi anh G và chị T sống xa nhau con chung do chị T trực tiếp nuôi dưỡng và chị T vẫn chăm sóc con tốt. Nay nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T thì anh G yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung. Anh G cũng thừa nhận hiện nay anh làm thợ hồ, thu nhập không có ổn định nhưng anh sẽ cố gắng làm để nuôi con mà không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Thống nhất không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về trình tự, thủ tục: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và chấp hành nghiêm chỉnh nội quy phiên tòa.

Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, xét thấy: Việc chị T yêu cầu ly hôn với anh G là có căn cứ vì từ khi xa nhau cho đến nay giữa chị T và anh G không ai quan tâm đến ai, mỗi người có cuộc sống riêng tư, không tìm đến nhau để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Chị T đã nhiều lần làm đơn xin ly hôn nhưng sau đó rút đơn để vợ chồng đoàn tụ nhưng đến nay cũng không đoàn tụ được, chứng tỏ hôn nhân của chị T và anh G đã rơi vào tình trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T. Về con chung, từ khi chị T và anh G sống xa nhau thì con chung do chị T trực tiếp nuôi dưỡng vẫn đảm bảo cho con khỏe mạnh về thể chất và tinh thần do đó đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình giao con chung cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng, chị T không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa và lời phát biểu của Kiểm sát viên, Toà án nhân dân huyện Lấp Vò nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thu T yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Minh G và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn nên quan hệ tranh chấp được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con sau khi ly hôn”. Bị đơn anh Nguyễn Minh G có hộ khẩu và cư trú tại huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Lấp Vò theo quy định tại khoản 1, Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thu T và anh Nguyễn Minh G đều thừa nhận anh chị tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HAD, huyện LV, tỉnh ĐT vào ngày 29/3/2013 trên cơ sở tự nguyện nên quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh G là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Trong quá trình sống chung chị T và anh G cũng thừa nhận do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn và từ tháng 2/2018 chị T và anh G đã sống xa nhau cho đến

nay nhưng không đoàn tụ được. Chị T trình bày, trong thời gian sống xa nhau, chị T đã hai lần nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh G tại Toà án. Cả hai lần anh G đều yêu cầu cho anh G cơ hội và hứa sẽ thay đổi tính tình để vợ chồng đoàn tụ cùng nuôi con nên chị T đã rút lại đơn khởi kiện. Nhưng từ đó đến nay anh G cũng không thay đổi được tính tình và vợ chồng cũng không đoàn tụ lại được với nhau. Nay xét thấy tình cảm không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị T tha thiết yêu cầu được ly hôn với anh G để ổn định cuộc sống. Còn anh G thì cho rằng, cả hai lần chị T làm đơn xin ly hôn anh G đều có hứa sẽ thay đổi tính tình để vợ chồng đoàn tụ để cùng nuôi con, nhưng sau đó chị T không đồng ý về nhà sống chung nên đến nay vợ chồng cũng không đoàn tụ lại được với nhau. Nay anh G vẫn còn tình cảm với chị T, mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng lo cho con nên anh G không đồng ý ly hôn theo như yêu cầu của chị T.

Tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.
2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.

Xét thấy chị T và anh G đã sống xa nhau từ tháng 2/2018 đến nay, không ai quan tâm đến ai, cuộc sống mạnh ai nấy sống. Tại phiên toà ngày hôm nay mặc dù anh G không đồng ý ly hôn nhưng anh G cũng không đưa ra được biện pháp nào để hàn gắn tình cảm của vợ chồng. Như vậy, có đủ căn cứ xác định mâu thuẫn giữa chị T và anh G đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thu T đối với anh Nguyễn Minh G.

[3] Về con chung: Anh G và chị T có 02 con chung tên Dương Thị NY1, sinh ngày 21/11/2012 và Dương Thị NY2, sinh ngày 02/12/2018 hiện nay đang do chị T nuôi dưỡng. Chị T và anh G đều có nguyện vọng được nuôi con, đây là nguyện vọng chính đáng của cha mẹ đối với con. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét đến quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên. Xét thấy từ khi chị T và anh G sống xa nhau, con chung do chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đã ổn định và anh G cũng thừa nhận chị T nuôi dưỡng con tốt. Chị T khẳng định chị có đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung vì chị T làm thợ may có thu nhập ổn định. Còn anh G thừa nhận anh G làm thợ hồ, thu nhập không ổn định. Mặt khác, cháu NY2 hiện nay chưa đủ 36 tháng tuổi, căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận cho chị T được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con hai chung tên Dương Thị NY1, sinh ngày 21/11/2012 và Dương Thị NY2, sinh ngày 02/12/2018. Tuy nhiên, anh G vẫn được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, chị T cùng các thành viên gia đình của chị T không ai được cản trở anh G trong việc thực hiện quyền này, được quy định tại Điều 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị T và anh G đều thừa nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị T và anh G đều thống nhất không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thu T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[7] Xét lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò là có căn cứ và phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thu T. Chị Nguyễn Thu T được ly hôn với anh Nguyễn Minh G.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung tên Dương Thị NY1, sinh ngày 21/11/2012 và Dương Thị NY2, sinh ngày 02/12/2018 cho chị Nguyễn Thu T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét giải quyết.

2.3. Sau khi ly hôn anh Nguyễn Minh G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, chị Nguyễn Thu T cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở và anh Nguyễn Minh G không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con của chị Nguyễn Thu T.

3. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thu T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số BH/2018/0000245 ngày 19/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lấp Vò.

6. Chị Nguyễn Thu T và anh Nguyễn Minh G có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lấp Vò;
- CC.THADS huyện Lấp Vò;
- UBND xã HAD;
- Đ/s: Trang, Giang;
- Lưu: HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Văn Nội